

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Văn Thắng;
- Bà Phan Thị Gái;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị L**, sinh ngày 27/7/1976 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D, sinh năm 1951 và bà Trần Thị D, sinh năm 1953; Chồng Đoàn Văn V, sinh năm 1977; có 04 con (con lớn 20 tuổi, con nhỏ 08 tuổi).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2020 đến ngày 02/12/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **H** (tên gọi khác: **Kh**), sinh ngày 08/3/1990, tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; nơi cư trú: Bản H, Cụm bản Đ, huyện S, tỉnh S, Lào; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Lào thay; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Lào; con ông L, sinh năm 1964 và bà P, sinh năm 1969; vợ Ch, sinh năm 1991; có 02 con (con lớn 06 tuổi, con nhỏ 01 tuổi).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Ch – X, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản H, Cụm bản Đ, huyện S, tỉnh S, Lào, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Mộc Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Phú L, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

*** Người phiên dịch:**

- Bà Nguyễn Thị Xuân L; Địa chỉ: 19 Ông Ích Kh, khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức Ngh và Nguyễn Văn L đều trú tại tỉnh Q, cả hai đang làm việc tại Lào có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam không qua cách ly dịch bệnh Covid, nên ngày 27/11/2020, Ngh và L đã nhờ anh trai là Nguyễn Đức T tìm người giúp đỡ đưa hai người về Việt Nam. Quá trình làm việc tại Lào, T quen biết với Lê X nên đã điện thoại nhờ X L hệ và được X cho số điện thoại của Đặng Công L, sinh năm 1978 tại Triệu Ph, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

T điện thoại trực tiếp trao đổi với L, hai bên thỏa thuận tiền công đưa Ngh, L về Việt Nam là 1.000.000 đồng/người. Khoảng 7 giờ ngày 28/11/2020, L điện cho Lê Thị L (là chị vợ của bị cáo) đang bán hàng tạp hóa tại bản H, Cụm bản Đ, huyện S trao đổi về việc đón người và thuê đò đưa hai người nhập cảnh về Việt Nam với số tiền công như trên thì được L đồng ý và hẹn địa điểm L đón người là chỗ nhà hàng có tượng hai con voi. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L điện thoại thông báo cho L biết hai người này đã về tới gần vị trí quán tạp hóa của L. L điều khiển xe mô tô ra điểm hẹn đón Nguyễn Đức Ngh và Nguyễn Văn L. Sau khi đón Ngh và L vào quán tạp hóa của mình thì H đang mua hàng ở quán. L hỏi H có chở L và Ngh về Việt Nam được không thì H đồng ý và H đòi tiền công là 300.000 đồng kíp Lào (tương đương 720.000 Việt Nam đồng). Hai bên thống nhất tiền đò do Ngh và L trả. Còn tiền công của L thì khi nào về tới Việt Nam, L và Ngh sẽ được chồng của L là Đoàn Văn V đón, chở ra bến xe và đưa cho V mỗi người 1.000.000 đồng. Sau khi các bên thỏa thuận xong thì H dẫn L và Ngh xuống bến sông Sê pôn và chạy đò về bến sông thuộc thôn K, thị trấn L, huyện H. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đò vừa cập bến thì bị lực lượng Biên phòng bắt quả tang. H và L chưa nhận được tiền công từ L và Ngh.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 24/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố Lê Thị L, H về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L, H phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị L 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2020.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, đề nghị xử lý:

- Tuy chiếc đồ máy đẩy là vật chứng vụ án, nhưng cũng là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H, nên đề nghị tịch thu phần sở hữu của bị cáo H để sung vào ngân sách Nhà nước là: ½ giá trị chiếc đồ (đồ mạn bằng gỗ, lòng đồ và thân đồ làm bằng kim loại, kích thước dài 6,4m, nơi rộng nhất 01m, phần mũi đồ rộng 55cm, phần đuôi đồ rộng 82cm; gồm cả máy đẩy nhãn hiệu Honda, ký hiệu GX200, số máy QTB GCBUT – 1838543; thanh điều chuyển chân vịt bằng kim loại, hình trụ tròn dài 2,3m gắn với chân vịt hai lá bằng kim loại, không xác định hình dạng, kích thước, đã qua sử dụng).

Trả lại cho chị Ch (vợ của bị cáo H): ½ giá trị chiếc đồ bao gồm cả phần thiết bị phụ trợ như đã mô tả ở trên. Giá trị tài sản được xác định theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu của bị cáo H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, Model GT-E1200Y, số Imei: 356902/08/627438/5 và của bị cáo Lê Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Unitel vỏ máy màu đen, bàn phím màu đen, số Imei: 354874056559438, những máy điện thoại này đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong để sung vào ngân sách nhà nước do những đồ vật này là phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim ký hiệu chữ và số: Unitel 8945 70300 21111 85050 và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số: Unitel Mobile, 8945 70300 21216 15968; do không có giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị L gồm : 01 cuốn hộ chiếu số C8497374 cấp ngày 12/11/2019, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh, mang tên Lê Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu xanh, phím bấm màu đen, số Imei: 354198101232696, bên trong có 01 sim ký hiệu chữ và số 4G VIETTEL 8984 04800 00384 16042, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; do đây là những đồ vật L quan đến quyền nhân thân của bị cáo và không dùng vào mục đích, công cụ phạm tội.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo Lê Thị L và bị cáo H: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Trị, Điều tra viên, VKSND tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Ngh, Nguyễn Văn L không có lý do, nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Vì mục đích vụ lợi nên trong các ngày 27/11/2020 và ngày 28/11/2020, các bị cáo Lê Thị L, H đã có hành vi tổ chức đưa các anh Nguyễn Đức Ngh, Nguyễn Văn L đi ra khỏi biên giới nước Lào để nhập cảnh vào Việt Nam không có giấy phép theo quy định của pháp luật về nhập cảnh. Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Thị L, H đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của BLHS như Cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 24/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, mà còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở Việt Nam, cũng như công tác phòng chống dịch bệnh covid 19 trên địa bàn.

Hiện nay, tại biên giới hai nước Lào – Việt Nam, tình trạng người dân xuất nhập cảnh giữa hai nước không có giấy phép theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh có chiều hướng ngày càng gia tăng do dịch bệnh Covid 19 ngày càng diễn biến phức tạp. Giữa hai nước đang siết chặt quản lý đường biên, hạn chế việc xuất nhập cảnh. Tuy nhiên, cả hai bị cáo do nhận thức pháp luật kém, chỉ vì mục đích vụ lợi đã bất chấp pháp luật tổ chức đưa 02 người nhập cảnh trái phép mà bất chấp hậu quả trong khi dịch bệnh covid ngày càng diễn biến phức tạp, các cấp, các ngành của hai nước đang nỗ lực phòng chống nhằm hạn chế hậu quả của dịch bệnh gây ra.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy:

Vụ án có tính đồng phạm, giản đơn. Bị cáo Lê Thị L là người trao đổi, móc nối, giới thiệu, bị cáo H là người thực hiện hành vi tích cực, dùng đồ máy làm phương tiện phạm tội chở người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhằm thu lợi bất chính. Do đó, vai trò của bị cáo L cao hơn bị cáo H. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội chỉ vì mục đích vụ lợi, nhưng cả hai bị cáo vẫn chưa nhận được tiền thu lợi bất chính.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Thị L, H đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Lê Thị L có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, chồng của bị cáo bị bệnh gan, viêm loét dạ dày nặng (có bệnh án điều trị), gia đình có 04 con đang là học sinh, sinh viên trong độ tuổi ăn học, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo H là người dân tộc thiểu số ở Lào, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Hội đồng xét xử thấy: Lẽ ra cần phải xử lý nghiêm cả hai bị cáo L và H để cách ly cả hai khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục, phù hợp với tình hình phòng chống dịch bệnh covid 19 ngày càng phức tạp hiện nay. Nhưng xét hoàn cảnh của bị cáo Lê Thị L trong quá trình sinh sống đều chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước tại địa phương. Bị cáo có nơi ở ổn định, rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự và nhân thân tốt, nếu cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng 1 thời gian thì để lại hậu quả, tác động xấu đến 04 cháu là con của bị cáo không có ai cấp dưỡng, chăm sóc, lo chuyện học hành cho các cháu. Nghĩ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, để bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo bị cáo sớm trở thành công dân tốt. Riêng đối với bị cáo H là người thực hành tích cực nên cần xử nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm tổ chức cho người khác xuất nhập cảnh trái phép.

[6] Đối với Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức Ngh có hành vi nhập cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, làm rõ và đã xử phạt hành chính là có cơ sở.

Đối với các đối tượng Đặng Công L, Nguyễn Đức T, Lê X và Đoàn Văn V thì hành vi chưa cấu thành tội phạm, nên cơ quan chức năng không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[7] Về xử lý các vật chứng:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã sử dụng các điện thoại di động đó là: Bị cáo H sử dụng 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen; bị cáo L sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Unitel để L lạc với nhau. Vì vậy, HĐXX thấy đây là vật chứng vụ án cần tịch thu các điện thoại trên để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với hai sim điện thoại thuộc mạng viễn thông Lào mà các bị cáo đã sử dụng gồm: 01 sim ký hiệu chữ và số Unitel 8945 70300 21111 85050 và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số Unitel Mobile, 8945 70300 21216 15968; do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với chiếc đồ máy mà bị cáo H chở người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, đây là phương tiện phạm tội trong vụ án. Tuy nhiên, chiếc đồ máy này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H và chị Ch (vợ của bị cáo H); vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước: $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc đồ (đồ mạn bằng gỗ, lòng đồ và thân đồ làm bằng kim loại, kích thước dài 6,4m, nơi rộng nhất 01m, phần mũi đồ rộng 55cm, phần đuôi

đồ rộng 82cm, không kiểm tra chất lượng bao gồm cả giá trị máy đẩy nhãn hiệu Honda, ký hiệu GX200, số máy QTB GCBUT – 1838543; kèm theo thanh điều chuyển chân vịt bằng kim loại, hình trụ tròn dài 2,3m gắn với chân vịt hai lá bằng kim loại, không xác định hình dạng, kích thước, đã qua sử dụng).

Trả lại cho chị Ch (vợ của bị cáo H): ½ giá trị chiếc đồ trên (bao gồm cả giá trị máy đẩy, thanh điều chuyển chân vịt bằng kim loại gắn với chân vịt hai lá bằng kim loại đã qua sử dụng được mô tả ở trên).

Giá trị tài sản được định giá theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Riêng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu xanh, phím bấm màu đen của bị cáo L không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và 01 cuốn hộ chiếu số C8497374 cấp ngày 12/11/2019, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh, mang tên Lê Thị L, ngày sinh 27/7/1976, quốc tịch Việt Nam, giới tính: Nữ, nơi sinh: Quảng Trị là giấy tờ nhân thân của bị cáo L, nên cần trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

(Các vật chứng hiện có theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị lập ngày 17/6/2021).

[8] Cần Tiếp tục ra Quyết định tạm giam đối với bị cáo H để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với bị cáo Lê Thị L cần tiếp tục thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 55/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Lê Thị L** và bị cáo **H** (tên gọi khác: **Kh**) phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho cả hai bị cáo; Riêng bị cáo Lê Thị L được áp dụng thêm khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt:

- Bị cáo **Lê Thị L 15 (Mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/6/2021.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo, gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Bị cáo **H** (tên gọi khác: **Kh**) **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/11/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, tuyên xử:

- Tịch thu của bị cáo H để sung vào ngân sách Nhà nước: ½ giá trị chiếc đồ (đồ có mạn bằng gỗ, lòng đồ và thân đồ làm bằng kim loại, kích thước dài 6,4m, nơi rộng nhất 01m, phần mũi đồ rộng 55cm, phần đuôi đồ rộng 82cm, gồm cả máy đẩy nhãn hiệu Honda, ký hiệu GX200, số máy QTB GCBUT – 1838543; thanh điều chuyển chân vịt bằng kim loại, hình trụ tròn dài 2,3m gắn với chân vịt hai lá bằng kim loại, không xác định hình dạng, kích thước, đã qua sử dụng).

- Trả lại cho chị Ch (vợ của bị cáo H); địa chỉ: Bản H, Cụm bản Đ, huyện S, tỉnh S, Lào: ½ giá trị chiếc đồ (bao gồm cả phần thiết bị phụ trợ như đã mô tả ở trên).

Giá trị tài sản được định giá theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu của bị cáo H và bị cáo Lê Thị L để sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, Model GT-E1200Y, số Imei: 356902/08/627438/5, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Unitel vỏ máy màu đen, bàn phím màu đen, số Imei: 354874056559438, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim ký hiệu chữ và số: Unitel 8945 70300 21111 85050 và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số: Unitel Mobile, 8945 70300 21216 15968.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị L gồm: 01 cuốn hộ chiếu số C8497374 cấp ngày 12/11/2019, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh, mang tên Lê Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu xanh, phím bấm màu đen, số Imei: 354198101232696, bên trong có 01 sim ký hiệu chữ và số 4G VIETTEL 8984 04800 00384 16042, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

(Các vật chứng hiện có theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị lập ngày 17/6/2021).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Thị L, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vãng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp L quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Viết Nam

